TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN CẨM LỆ - TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20/6/2022
V/v Ly hôn, nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẨM LỆ, T PHỐ ĐÀ NẴNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức H.

Ông Mai Văn Du.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đặng Thị Thảo Vân - Thư ký Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, T phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ tham gia phiên tòa: Bà Trần Lê Phượng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ, T phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 100/2022/TLST-HNGĐ về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2022 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1990. Địa chỉ: Đường H, phường T, quận L, tp. Đà Nẵng. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Trung T, sinh năm: 1984. Địa chỉ: Đường H, phường T, quận L, tp. Đà Nẵng. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn trình bày:

Bà D và và ông Phạm Trung T kết hôn vào năm 2007, có Giấy đăng ký kết hôn số 168, quyển số 01 ngày 07/12/2007 do Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại địa chỉ: Đường H, phường T, quận L, tp. Đà Nẵng. Trong quá trình chung sống, thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn từ tháng 11/2021. Bà D nhận thấy rằng quan điểm sống không hợp nhau, thường xuyên cãi vả, tình cảm phai nhạt nên gia đình không hạnh phúc. Chồng bà không lo làm ăn, có

hành vi bạo lực gia đình với bà. Từ tháng 3/2022, bà và các con đã chuyển về sống tại nhà dì ruột địa chỉ: 108/24B Bùi Xương Trạch còn ông T vẫn sinh sống tại địa chỉ 02 Phước Hòa 1. Nay bà D xác định mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án cho bà D được ly hôn với ông Phạm Trung T.

Về con chung: Bà D và ông Phạm Trung T có 02 con chung: cháu Phạm Trung H, sinh năm 2008 và cháu Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm: 2014. Ly hôn, bà Oanh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng các con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: ông bà không nợ ai và không có tài sản chung nên không yêu cầu tòa án xem xét giải quyết.

Ông Phạm Trung T trình bày: thống nhất với lời trình bày của bà D về thời gian kết hôn, chung sống, điều kiện kết hôn, về con chung, tài sản chung và nợ chung. Trong quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và có cãi vã nhau. Nguyên nhân là do vợ chồng chưa thấu hiểu được nhau. Ông không đồng ý ly hôn với bà D. Trường hợp ly hôn, ông yêu cầuđược trực tiếp nuôi cháu Phạm Thị Hoàng Y. Về tài sản chung và nợ chung, ông bà không có.

Tại bản trình bày ý kiến, cháu Phạm Trung H và cháu Phạm Thị Hoàng Y đều có nguyện vọng được ở với bà Oanh trong trường hợp ông bà ly hôn.

Theo văn bản có xác nhận của Tổ dân phố số 23 phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng, ông Phạm Trung T và bà Nguyễn Thị D hiện đang cư trú địa phương. Trong quá trình chung sống, mâu thuẫn trong cuộc sống hôn nhân của ông bà như thế nào thì địa phương không biết.

**** Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa:***

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng trình tự quy định của pháp luật. Đối với các đương sự, trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị D đối với ông Phạm Trung T.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận giao con chung là: Cháu Phạm Trung H, sinh năm 2008 và cháu Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm: 2014 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà D xác định vợ chồng không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Cẩm Lệ, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện đề ngày 11/3/2022 thì nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Trung T và yêu cầu nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình, quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn, nuôi con chung*".

[2] Về thẩm quyền của Tòa án: bị đơn ông Phạm Trung T hiện đang cư trú tại tổ 23 phường Hòa Phát, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng**.** Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS, Tòa án nhân dân quận Cẩm Lệ có thẩm quyền giải quyết.

Về nội dung tranh chấp

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Trung T tự nguyện kết hôn năm 2007, có Giấy đăng ký kết hôn số 168, quyển số 01 ngày 07/12/2007 do Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại đường H, phường T, quận L, tp. Đà Nẵng. Đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Xét yêu cầu ly hôn của bà D, HĐXX nhận thấy: sau khoảng thời gian sống chung, vợ chồng bà đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông bà không tìm được tiếng nói chung, thường hay cãi vả và xô xát. Hiện nay, ông bà đã không còn chung sống với nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà D xác định không còn tình cảm với ông Phạm Trung T nữa, trong khi đó ông T mặc dù không đồng ý ly hôn với bà D nhưng trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, ông cũng không có bất kỳ giải pháp gì để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị D đối với ông Phạm Trung T.

[4] Về con chung: bà Nguyễn Thị D và ông Phạm Trung T có 02 con

chung là: cháu Phạm Trung H, sinh năm 2008 và cháu Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm: 2014. Ly hôn, bà D có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Trong quá trình giải quyết, ông Phạm Trung T thể hiện ý kiến có mong muốn được nuôi dưỡng cháu Y trong trường hợp ly hôn.

HĐXX nhận thấy: Tại bản trình bày ý kiến, cháu Phạm Trung H và cháu Phạm Thị Hoàng Y đều có nguyện vọng được ở với bà Oanh trong trường hợp ông bà ly hôn. Dù ông T mong muốn được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Y, tuy nhiên, cháu Y là con gái nên việc giao cho bà Oanh trực tiếp nuôi dưỡng sẽ phù hợp với việc phát triển tâm sinh lý của cháu. Hiện nay, cháu Y và cháu H đều đang sống với bà Oanh. Do đó, để đảm bảo tính ổn định và những quyền lợi tốt nhất cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau ly hôn, HĐXX nhận thấy cần tiếp tục giao cháu Phạm Trung H và cháu Phạm Thị Hoàng Y cho bà D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH.

[7] Xét thấy ý kiến của đại diện VKSND quận Cẩm Lệ tại phiên tòa phù hợp với nhận định của HĐXX nên chấp nhận

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 28, 35, 39, 147, 271, 272 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 19, 56, 69, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị D đối với ông Phạm Trung T về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn với ông Phạm Trung T (Giấy đăng ký kết hôn số 168, quyển số 01 ngày 07/12/2007 của Uỷ ban nhân dân phường Khuê Trung, quận Cẩm Lệ, tp. Đà Nẵng).

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Trung H, sinh năm 2008 và cháu Phạm Thị Hoàng Y, sinh năm: 2014 cho bà Nguyễn Thị D trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm Trung T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001801 ngày 01/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Cẩm Lệ, T phố Đà Nẵng. Bà D đã nộp đủ án phí.

4. Nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Chi cục THADS quận Cẩm Lệ;
- VKSND quận Cẩm Lệ;
- UBND P. Khuê Trung;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Hưng

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

Mai Văn Du **Trần Đức H** **Nguyễn Hữu Hưng**